

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 15 - 5 - 2019

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình - Xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Quốc Cần

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2019/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Võ Chí T, sinh năm: 1985 “có mặt”.

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị Trần Kim P, sinh năm: 1985 “có đơn đề nghị vắng mặt”.

Địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2019 và quá trình giải quyết vụ án, anh Võ Chí T là nguyên đơn trình bày:

Hôn nhân giữa anh và chị P do mai mối, sau thời gian tìm hiểu hai bên tự nguyện kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn ngày 14/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện R, chung sống đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không hợp, cuộc sống hằng ngày thường cự cãi nhau, trong lúc cự cãi anh có đánh chị P nhiều lần. Khoảng tháng 01 năm 2018, chị P bỏ nhà đi sống ly thân với anh cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh, chị không liên hệ với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Quá trình sống chung anh và chị P có 02 người con chung là cháu Võ Ngọc Nh, sinh ngày 17/12/2008 và cháu Võ Chí T1, sinh ngày 13/8/2012, các con chung do anh trực tiếp nuôi dưỡng.

Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh và chị P không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Do đó, yêu cầu được ly hôn với chị P;

Về con chung: Yêu cầu được nuôi cháu Võ Ngọc Nh, sinh ngày 17/12/2008 và cháu Võ Chí T1, sinh ngày 13/8/2012, nếu cháu Nh có nguyện vọng sống với chị P anh cũng thống nhất giao cho chị P nuôi dưỡng, anh đủ điều kiện nuôi các con nên không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Kim P trình bày:

Việc anh T trình bày về quan hệ hôn nhân, tình trạng hôn nhân, con chung là đúng. Tuy nhiên, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do anh T thường xuyên đánh chị trong lúc cự cãi nên chị bỏ nhà đi sống ly thân với anh từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh, chị không gặp nhau hoặc liên hệ với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý; Về con chung chị đồng ý giao các con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu, nếu cháu Nh có nguyện vọng sống với chị thì chị cũng thống nhất nuôi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Võ Chí T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với chị Trần Kim P. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Trần Kim P là bị đơn cư trú tại huyện R, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Trần Kim P có đơn đề nghị vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị P kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn ngày 14/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện R, tỉnh Kiên Giang đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống anh, chị có những mâu thuẫn không thể tự giải quyết được và không còn chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh, chị cũng không gặp, liên hệ với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả do chị P có đơn đề nghị vắng mặt. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh T yêu cầu ly hôn và chị P cũng đồng ý. Do đó, anh T yêu cầu ly hôn với chị P là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Anh T và chị P có hai người con chung là cháu Võ Ngọc Nh, sinh ngày 17/12/2008 và cháu Võ Chí T1, sinh ngày 13/8/2012, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi các con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con và chị P cũng thống nhất. Đồng thời, cháu Nh (trên 7 tuổi) có nguyện vọng được sống với cha là anh T, xét thấy yêu cầu của anh T và ý kiến của chị P phù hợp với nguyện vọng của cháu Nh và phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Giao cháu Nh và cháu T1 cho anh T nuôi dưỡng, chị P không phải cấp dưỡng nuôi các con do anh T không yêu cầu. Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị P có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được

quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp chặn cho anh Võ Chí T được ly hôn với chị Trần Kim P.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Ngọc Nh, sinh ngày 17/12/2008 và cháu Võ Chí T1, sinh ngày 13/8/2012 cho anh Võ Chí T nuôi dưỡng, chị Trần Kim P không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu, trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị P có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Anh Võ Chí T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007574 ngày 22/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Kiên Giang. Anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; Đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án là ngày 15/5/2019; Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKS ND huyện;
- THA Huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Danh Thanh Phát